

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T.S  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 14/9/2020

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Mạnh Hải, ông Nguyễn Văn An.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng C.S.X.H; Địa chỉ: Số 169 L.Đ, phường H.L, quận H.M, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng C – Giám đốc ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S theo văn bản số 7300 ngày 09/9/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng C.S.X.H.

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Trọng T – Phó Giám đốc ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S theo văn bản số 70 ngày 13/4/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S; Địa chỉ: Đường L.T.T, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

*Bị đơn:* Hộ ông Trần Văn Qgômông Trần Văn Q, sinh năm 1992; bà Trần Thị Y, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 5, hẻm 1, ngách 35, ngõ 458 L.T.K, khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện ngân hàng C.S.X.H trình bày: Vào ngày 08/5/2014 ông Trần Văn Q là người đại diện hộ gia đình ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo và ngày 28/5/2014 đã được ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền 50.000.000 đồng để sản xuất sắt thép. Thời hạn vay 60 tháng, trả gốc 12 tháng một lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng. Lãi suất 0,78%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay. Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/5/2019.

Ngày 30/5/2014 ông Q là người trực tiếp nhận 50.000.000 đồng từ Phòng giao dịch ngân hàng C.S.X.H thị xã T.S nhưng không thực hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi theo như thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần gặp trực tiếp và gửi Thông báo về việc nợ quá hạn cho ông Q, đôn đốc việc trả nợ nhưng ông Q không thực hiện. Ngày 06/6/2020, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Từ đó đến nay, ông Q không thực hiện tiếp việc trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã T.S buộc hộ ông Q gồm ông Q, bà Y phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/5/2020 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 là 71.637.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi 21.637.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) đã ký giữa hai bên.

Ông Q, bà Y đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận ngày 30/06/2020, ông Q đã trả cho ngân hàng 5.000.000 đồng, trừ vào nợ gốc 4.000.000 đồng và 1.000.000 đồng trừ vào nợ lãi nên số tiền nợ gốc còn lại 46.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu hộ ông Trần Văn Q gồm ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Y phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) là 68.499.000 đồng, trong đó nợ gốc là 46.000.000 đồng và nợ lãi 22.499.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định

tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) đã ký giữa hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.S.X.H đối với hộ ông Trần Văn Q gồm ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Y về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc hộ ông Trần Văn Q gồm ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Y phải trả cho Ngân hàng C.S.X.H số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 là 68.499.000 đồng, trong đó nợ gốc là 46.000.000 đồng và nợ lãi 22.499.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) đã ký giữa hai bên.

Về án phí: Hộ ông Q gồm ông Q, bà Y phải chịu án phí nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, hộ ông Q là hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C.S.X.H khởi kiện yêu cầu tòa án buộc hộ ông Q gồm ông Q, bà Y phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Hộ ông Q gồm ông Q, bà Y không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền để sản xuất sắt thép theo chương trình cho vay hộ cận nghèo nên

đây là vụ án dân sự, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền:* Bị đơn cư trú tại khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hai bên đương sự giao kết hợp đồng vào ngày 28/5/2014. Thời hạn thanh toán của hợp đồng là 60 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, đến ngày 16/5/2019. Ông Q, bà Y không trả tiền cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Ngân hàng yêu cầu nhiều lần nhưng ông Q, bà Y không trả nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tòa án nhân dân thị xã T.S đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 17/8/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 08 của Hội đồng xét xử và thông báo thay đổi ngày xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 14/9/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông Q đã nhận đầy đủ tiền theo giấy đề nghị vay vốn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng C.S.X. đã khởi kiện ra Tòa án buộc hộ ông Q gồm ông Q, bà Y phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông Q, bà Y đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ đúng theo quy định nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định số nợ gốc, nợ lãi theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng.

Mặc dù chỉ mình ông Q ký tên trong giấy đề nghị và trong giấy nhận tiền nhưng mục đích vay tiền để sản xuất sắt thép trong thời gian ông Q, bà Y chung sống nên nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân cả hai đều phải có trách nhiệm. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định khoản nợ này là nợ chung của ông Q, bà Y nên cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ. Buộc hộ ông Q gồm ông Q, bà Y phải trả cho ngân hàng C.S.X.H Ngân hàng C.S.X.H số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) là 68.499.000 đồng, trong đó nợ gốc là 46.000.000 đồng và nợ lãi 22.499.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) đã ký giữa hai bên.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn là hộ ông Q gồm ông Q, bà Y phải chịu án phí nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, hộ ông Q là hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.S.X.H đối với hộ ông Trần Văn Q gồm ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Y về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc hộ ông Trần Văn Q gồm ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Y phải trả cho Ngân hàng C.S.X.H số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2020 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) là 68.499.000 đồng, trong đó nợ gốc là 46.000.000 đồng và nợ lãi 22.499.000 đồng; cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/5/2014 (ngân hàng C.S.X.H phê duyệt ngày 28/5/2014) đã ký giữa hai bên.

Án phí: Hộ ông Q gồm ông Q, bà Y được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã T.S;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Hồng Thanh**